

| VNINDEX                      | HNX                        | UPCOM                      | DOW JONES                     | NIKKEI 225                    | DAX                           |
|------------------------------|----------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| 1,776.46 <span>-0.04%</span> | 293.59 <span>+2.51%</span> | 127.15 <span>-0.04%</span> | 54,349.12 <span>+0.49%</span> | 66,300.44 <span>+3.66%</span> | 26,126.30 <span>-0.29%</span> |



**Nhận định thị trường và chiến lược**

“**Điểm số đảo chiều**”

Kết thúc phiên giao dịch ngày 05/08, VN-Index giảm -0.77 điểm (-0.04%) về mức 1776.46 điểm với 125 mã tăng, 189 mã giảm và 57 mã tham chiếu. Tổng khối lượng giao dịch đạt 759.3 triệu cổ phiếu (+10.5%). Tổng giá trị giao dịch đạt 20.440 tỷ đồng, tương ứng tăng +12.6% so với phiên trước.

Diễn biến các chỉ số chính: VN-Index (-0.04%), HNX-Index (+2.51%), UPCOM-Index (-0.44%), VN30 (-0.54%), VNINDEX (+0.12%), VNSML (-0.23%), VNDIAMOND (+0%), VNFINLEAD (-0.38%), VNCOND (+0.9%), VNCONS (-1.23%).

Khối ngoại mua ròng +499.56 tỷ đồng trên HOSE. Các cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất: VPB (-99.02 tỷ), VNM (-72.16 tỷ), TCX (-66.68 tỷ). Ở chiều ngược lại, các cổ phiếu được mua ròng gồm: VHM (+383.76 tỷ), VIC (+147.56 tỷ), MBB (+123.31 tỷ).

**PHÂN TÍCH KỸ THUẬT**

Điểm số VN-Index đảo chiều giảm nhẹ về cuối phiên khi lực bán tăng chiếm ưu thế so với cầu mua. Chủ yếu các vị thế chốt lời ngắn hạn đang cao khi đạt biên độ tăng tiêu chuẩn, tập trung ở nhóm Chứng khoán, Ngân hàng, Thép, Cảng – logistic,... Hiện tại, VN-Index đang tiếp diễn trạng thái hồi phục trên biểu đồ ngày, tuy nhiên các vị thế mua mới vẫn cần chờ đợi đến khi chỉ số xác nhận tạo đáy sau cao hơn đáy trước.

Xu hướng ngắn hạn: Trên biểu đồ ngày, xu hướng tiếp tục hồi phục trên khung ngày, tuy nhiên vị thế giá đang gặp kháng cự tại Fibo 50% tương đương vùng 1790 điểm. Cung chốt lời tăng cao, động lượng cũng suy yếu trên khung H1, biên độ hồi phục đã đạt mức tiêu chuẩn. Do đó tạm thời dừng các vị thế ngắn hạn mua mới, các cổ phiếu đạt mục tiêu ngắn nên ưu tiên chốt lời, chờ thị trường xác nhận vị thế giá tăng khi hình thành đáy sau cao hơn đáy trước.

Kháng cự trên biểu đồ ngày: 1773 điểm.

Xu hướng trung hạn: Trên biểu đồ tuần, VN-Index đang vận động trong vùng hộp đi ngang biên độ rộng 1600 – 1920 điểm, khối lượng giao dịch giảm dần tại đây là tín hiệu tích cực cho thấy cung được hấp thụ tốt. Vùng 1600 điểm đóng vai trò hỗ trợ quan trọng của xu hướng trung hạn khi tập hợp các yếu tố như mốc Fibo 61.8% tuần, vùng có khối lượng giao dịch lớn và đã được kiểm định 2 lần trước đó có cầu tham gia kéo nền rút chân trên biểu đồ tuần.

Hỗ trợ trên khung trung hạn: 1586 - 1606 điểm.

Kết luận: Vị thế đã chốt lời cần chờ đợi cho đến khi thị trường có tín hiệu xác nhận trước khi quay trở lại giải ngân mới. Sắc xanh trên thị trường không tập trung ở một vài nhóm ngành mà đang có xu hướng lan rộng sang các nhóm ngành khác.

Với dự báo xu hướng của giai đoạn tới, chúng tôi đưa ra mức hỗ trợ - kháng cự như sau:

Kháng cự 2: 2084 - 2154  
Kháng cự 1: 1950 - 2018  
Hỗ trợ 1: 1586 - 1606  
Hỗ trợ 2: 1500 +/-

**CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG**

Động lực hồi phục của thị trường vẫn được duy trì, tuy nhiên để xu hướng được tăng bền vững thì cần sự xác nhận từ cấu trúc ngắn hạn của VN-Index. Vì vậy, các vị thế nhà đầu tư đã chốt lời trong phiên trước có thể theo dõi hành động giá của thị trường trước khi gia tăng tỷ trọng.

Các nhóm ngành duy trì mức tăng tốt gồm Chứng khoán, Ngân hàng, Bán lẻ, Logistic, Công nghệ,..

**BÁO CÁO CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP**

- ☞ Báo cáo cổ phiếu DGW (MUA – Giá mục tiêu: 45.700 đ/cp)
- ☞ Báo cáo cổ phiếu MWG (MUA – Giá mục tiêu: 83.900 đ/cp)

**DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ**

| STT | Mã  | Ngày mở MUA | Vùng mua  | Giá mục tiêu | Giá chốt lỗ | Lợi nhuận dự kiến | Giá hiện tại | %Lãi/lỗ hiện tại | Trạng thái |
|-----|-----|-------------|-----------|--------------|-------------|-------------------|--------------|------------------|------------|
| 1   | CTS | 17/07/2026  | 26.5 - 27 | 30.4         | 25.0        | 13.64%            | 22.25        | -16.04%          | Nắm giữ    |
| 2   | BSI | 17/07/2026  | 32 - 32.5 | 36.0         | 29.8        | 11.63%            | 28.20        | -11.88%          | Nắm giữ    |
| 3   | BID | 31/07/2026  | 36 - 37   | 40.0         | 34.5        | 9.59%             | 38.00        | 3.77%            | Chốt lời   |
| 4   | TCB | 31/07/2026  | 29 +/-    | 30 - 31      | 27.0        | 5.17%             | 29.65        | 3.63%            | Chốt lời   |

**Lưu ý:** Để xem lịch sử khuyến nghị của ABS, vui lòng click vào [đây](#)

**TIN TỨC THẾ GIỚI**

- ☞ Xuất khẩu dầu thô của Nga xuống thấp nhất 6 tuần
- ☞ Mỹ mở rộng hỗ trợ Nhật Bản bảo vệ đồng yen nhằm ổn định kinh tế châu Á
- ☞ Chính quyền Trump đã hoàn trả 100 tỷ USD thuế quan "Ngày Giải phóng"

**TIN TỨC NỔI BẬT TRONG NGÀY**

- ☞ Thống đốc NHNN: Sửa đổi 3 luật lĩnh vực tài chính - ngân hàng để tăng cường phát triển thị trường vốn
- ☞ Lãi suất liên ngân hàng tăng vọt thêm hơn 5 điểm % từ ngưỡng gần 0
- ☞ Bộ trưởng Công Thương: Mỏ dầu cạn dần, Việt Nam phải tung ưu đãi hút nhà đầu tư

**LỊCH SỰ KIỆN ĐÁNG CHÚ Ý**

06/08/2026: Công bố số liệu kinh tế VN tháng 7 và 7 tháng  
07/08/2026: Công bố tỷ lệ thất nghiệp tại Mỹ

| Chỉ số thị trường Việt Nam | 05/08/2026 | (+/-%) 1 phiên | (+/-%) 7 phiên | (+/-%) 30 phiên |
|----------------------------|------------|----------------|----------------|-----------------|
| VNINDEX                    | 1,776.46   | -0.04%         | 5.70%          | -4.65%          |
| VNINDEX GTGD (Tỷ VND)      | 20,473.60  | 12.61%         | 6.41%          | 26.88%          |
| HNX                        | 293.59     | 2.51%          | 8.96%          | -8.09%          |
| HNX GTGD (Tỷ VND)          | 964.89     | 46.54%         | 0.71%          | 55.08%          |
| Upcom                      | 127.15     | -0.04%         | 1.12%          | -1.20%          |
| Upcom GTGD (Tỷ VND)        | 446.43     | -39.52%        | -1.98%         | -3.77%          |
| P/E VNindex (x)            | 12.02      | -0.08%         | -1.56%         | -13.28%         |
| P/B VNindex (x)            | 1.97       | 0.00%          | 3.68%          | -7.94%          |

| Top cổ phiếu VN30      | Top 5 mã tăng giá 1 phiên |       | Top 5 mã giảm giá 1 phiên |        | Top 5 mã tăng giá 7 phiên |        | Top 5 mã giảm giá 7 phiên |         | Top 5 mã tăng giá 30 phiên |        | Top 5 mã giảm giá 30 phiên |         |
|------------------------|---------------------------|-------|---------------------------|--------|---------------------------|--------|---------------------------|---------|----------------------------|--------|----------------------------|---------|
| 1                      | VIC                       | 0.92% | TCX                       | -2.58% | VRE                       | 24.18% | VNM                       | -1.68%  | MCH                        | 7.03%  | GVR                        | -14.95% |
| 2                      | GAS                       | 0.86% | MSN                       | -1.75% | VHM                       | 16.00% | MCH                       | -1.37%  | VNM                        | 3.81%  | SHB                        | -13.55% |
| 3                      | BSR                       | 0.60% | FPT                       | -1.68% | MWG                       | 12.46% | SSB                       | -1.29%  | HDB                        | 3.71%  | TCX                        | -12.00% |
| 4                      | VRE                       | 0.19% | SAB                       | -1.55% | FPT                       | 11.59% | LPB                       | -0.93%  | MBB                        | 2.32%  | TCB                        | -11.23% |
| 5                      | MWG                       | 0.14% | VNM                       | -1.51% | CTG                       | 9.83%  | ACB                       | -0.22%  | BSR                        | 2.24%  | VJC                        | -9.54%  |
|                        |                           |       |                           |        |                           |        |                           |         |                            |        |                            |         |
| Top cổ phiếu Mid cap   | Top 5 mã tăng giá 1 phiên |       | Top 5 mã giảm giá 1 phiên |        | Top 5 mã tăng giá 7 phiên |        | Top 5 mã giảm giá 7 phiên |         | Top 5 mã tăng giá 30 phiên |        | Top 5 mã giảm giá 30 phiên |         |
| 1                      | PNJ                       | 6.91% | SBT                       | -3.05% | GEX                       | 18.18% | MCM                       | -2.81%  | STG                        | 46.49% | PNJ                        | -40.87% |
| 2                      | TMP                       | 6.88% | PTB                       | -2.90% | PNJ                       | 16.08% | PVD                       | -2.45%  | TMP                        | 12.74% | BCM                        | -30.42% |
| 3                      | HNA                       | 6.36% | BHN                       | -2.80% | STG                       | 15.65% | NAB                       | -2.45%  | HCM                        | 9.96%  | ANV                        | -22.05% |
| 4                      | KLB                       | 5.81% | PHR                       | -2.68% | DGW                       | 15.32% | PC1                       | -1.87%  | NVL                        | 9.88%  | VSC                        | -21.08% |
| 5                      | VTP                       | 5.53% | PC1                       | -2.33% | VTP                       | 14.96% | VBB                       | -1.54%  | HNA                        | 7.34%  | DXS                        | -19.36% |
|                        |                           |       |                           |        |                           |        |                           |         |                            |        |                            |         |
| Top cổ phiếu Small cap | Top 5 mã tăng giá 1 phiên |       | Top 5 mã giảm giá 1 phiên |        | Top 5 mã tăng giá 7 phiên |        | Top 5 mã giảm giá 7 phiên |         | Top 5 mã tăng giá 30 phiên |        | Top 5 mã giảm giá 30 phiên |         |
| 1                      | CLW                       | 6.97% | SGT                       | -6.96% | HII                       | 41.44% | SSC                       | -18.70% | HII                        | 50.26% | ACC                        | -65.73% |
| 2                      | GIL                       | 6.91% | SC5                       | -6.33% | FRT                       | 25.35% | SC5                       | -12.19% | ASP                        | 50.00% | BCE                        | -37.22% |
| 3                      | HII                       | 6.91% | SSC                       | -6.14% | VNG                       | 20.66% | AAT                       | -11.86% | FDC                        | 29.72% | SGT                        | -35.37% |
| 4                      | CNG                       | 6.82% | NHH                       | -5.94% | GIL                       | 19.00% | PMG                       | -11.35% | PGI                        | 28.89% | GIL                        | -31.98% |
| 5                      | VID                       | 6.44% | CCI                       | -4.85% | PGI                       | 16.00% | DAT                       | -6.48%  | SPM                        | 26.84% | CLW                        | -31.22% |

| TỔNG HỢP CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI, TỶ GIÁ VÀ HÀNG HÓA |                     |            |                |                |                 |
|---------------------------------------------------------|---------------------|------------|----------------|----------------|-----------------|
|                                                         |                     | 05/08/2026 | (+/-%) 1 phiên | (+/-%) 7 phiên | (+/-%) 30 phiên |
| TTCK Toàn cầu                                           |                     |            |                |                |                 |
| DAX                                                     |                     | 26,126.30  | -0.29%         | 2.60%          | 4.53%           |
| Dow Jones                                               |                     | 54,349.12  | 0.49%          | 3.04%          | 4.82%           |
| FTSE 100                                                |                     | 10,888.30  | 0.08%          | 0.16%          | 3.40%           |
| Nikkei 225                                              |                     | 66,300.44  | 3.66%          | 6.31%          | -4.16%          |
| S&P 500                                                 |                     | 7,723.55   | -0.17%         | 3.97%          | 4.96%           |
| Tỷ giá                                                  |                     |            |                |                |                 |
| USD/VND                                                 |                     | 26,263.50  | -0.09%         | -0.20%         | -0.27%          |
| USD/JPY                                                 |                     | 157.73     | 0.35%          | -3.68%         | -2.50%          |
| GBP/USD                                                 |                     | 1.35       | 0.75%          | 1.50%          | 2.27%           |
| EUR/USD                                                 |                     | 1.15       | 0.00%          | 0.88%          | 0.88%           |
| Năng lượng                                              |                     |            |                |                |                 |
| Dầu thô Brent                                           | USD/Bbl             | 79.45      | 0.11%          | -3.20%         | 5.23%           |
| Khí tự nhiên                                            | USD/MMBtu           | 2.69       | 0.37%          | -0.37%         | -18.48%         |
| Than                                                    | USD/T               | 128.80     | -1.57%         | -1.11%         | -10.06%         |
| Kim loại và vật liệu xây dựng                           |                     |            |                |                |                 |
| Bạc                                                     | USD/t.oz            | 62.02      | 4.22%          | 8.62%          | 7.21%           |
| Vàng                                                    | USD/t.oz            | 4,247.40   | 4.16%          | 5.44%          | 5.47%           |
| Đồng                                                    | Usd/Lbs             | 6.70       | 1.21%          | 5.85%          | 10.38%          |
| Thép                                                    | CNY/T               | 3,007.00   | 0.87%          | -1.38%         | -1.67%          |
| Quặng sắt                                               | USD/T               | 93.91      | 0.22%          | -4.47%         | -6.58%          |
| Thép cuộn cán nóng                                      | USD/T               | 1,193.00   | 0.08%          | 0.68%          | -0.42%          |
| Gỗ                                                      | USD/1000 board feet | 579.50     | -1.19%         | -9.17%         | -6.08%          |
| Nông nghiệp                                             |                     |            |                |                |                 |
| Cao su                                                  | USD Cents / Kg      | 216.90     | 2.80%          | -0.50%         | -3.30%          |
| Đường                                                   | Usd/Lbs             | 15.17      | 0.86%          | 4.26%          | 7.59%           |
| Cà phê                                                  | Usd/Lbs             | 326.25     | 0.66%          | -3.87%         | 18.04%          |
| Lúa mì                                                  | Usd/Bu              | 642.25     | 0.59%          | -3.06%         | 9.65%           |
| Lợn hơi                                                 | Usd/Lbs             | 97.85      | 0.33%          | -4.98%         | 3.84%           |

**BIỂU ĐỒ TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG NGÀY 05/08/2026**

**1. Độ rộng thị trường**

**2. Top cổ phiếu ảnh hưởng chỉ số**

**3. GTGD ròng nước ngoài 10 phiên (tỷ VND)**

**4. GTGD ròng tự doanh 10 phiên (tỷ VND)**

**5. Top GTGD NĐT nước ngoài trong phiên**

| Top 5 mua | GTGD ròng (triệu đồng) | KLGD (CP) |
|-----------|------------------------|-----------|
| VHM       | 1,050,434              | 2,464,936 |
| VIC       | 147,879                | 670,492   |
| MBB       | 123,420                | 579,433   |
| PNJ       | 109,870                | 929,333   |
| CTG       | 73,559                 | 2,301,651 |

**Top 5 bán**

| GTGD ròng (triệu đồng) | KLGD (CP)  |
|------------------------|------------|
| MSN                    | -585,714   |
| VIB                    | -43,200    |
| TCX                    | -1,100,000 |
| VNM                    | -72,000    |
| VPB                    | -1,221,000 |

**6. Top GTGD NĐT tự doanh trong phiên**

| Top 5 mua | GTGD ròng (triệu đồng) | KLGD (CP) |
|-----------|------------------------|-----------|
| CTG       | 37,426                 | 4,462,000 |
| VHM       | 11,479                 | 91,600    |
| SSI       | 14,357                 | 91,998    |
| HDB       | 10,018                 | 6,500     |
| E1VFN30   | 5,385                  | 155,500   |

**Top 5 bán**

| GTGD ròng (triệu đồng) | KLGD (CP)  |
|------------------------|------------|
| GAS                    | -1,030,000 |
| GEE                    | -1,034,000 |
| HTI                    | -40,000    |
| VCB                    | -50,000    |
| VPB                    | -1,800,000 |

Trải nghiệm ngay ứng dụng  
ABS Invest

Trải nghiệm ngay bằng giá  
ABS Web Trading

**Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình**

Địa chỉ: 36 P. Hoàng Cầu, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024 3562 4626      Ext: 151

Email: [research@abs.vn](mailto:research@abs.vn)

Website: [ABS.VN](http://ABS.VN)

**KHUYẾN CÁO**

Báo cáo này được phát hành bởi Phòng Phân tích Đầu tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Các thông tin, nhận định được ABS đưa ra dựa trên nguồn tin đáng tin cậy. Người sử dụng báo cáo cần tự chịu trách nhiệm khi sử dụng thông tin để ra quyết định mua, bán chứng khoán.

**Chứng khoán An Bình**  
*Dược vinh danh*  
Công ty cung cấp  
**Dịch vụ chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2026**  
**BEST SECURITIES SERVICE**  
Do FinanceAsia bình chọn

Trải nghiệm ngay  
ABS Invest tại đây